

Bản án số: 22/2020/HS-PT
Ngày 15,18 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Phong và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên;

Trong các ngày 15 và 18 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2020/TLHS-PT ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị T cùng đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H, Trần Văn C và Hà Thắm C1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên (nay là TAND thị xã Duy Tiên), tỉnh Hà Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); chồng: Hà Văn H và 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Hà Văn H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Đức H và bà Phạm Thị T; vợ: Trần Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/10/1995, bị TAND huyện D xử phạt 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1985; bị áp dụng biện pháp cấm

đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Trần Văn C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn N và bà Nghiêm Thị N; vợ: Hà Thị P và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Hà Thẩm C1, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn H và bà Trần Thị T; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo T, H, C và C1*: Luật sư Vũ Văn L - Luật sư của Công ty Luật TNHH S, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H (có mặt).

- *Bị hại*:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn H, thị xã D, tỉnh Hà Nam (có mặt);

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn H, thị xã D, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn H, thị xã D, tỉnh Hà Nam (vắng mặt);

2. NLQ2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn H, thị xã D, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

1. NLC1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

2. NLC2, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3. NLC3, sinh năm 1960 (vắng mặt);

4. NLC4, sinh năm 1964 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bà Nguyễn Thị T1 nợ tiền của vợ chồng Trần Thị T và Hà Văn H chưa trả nên khoảng 06 giờ 30 phút ngày 10/8/2019, T đến nhà em rể là Trần Văn C nhờ C cùng đi đòi nợ hộ. T nói với C: "*Đi đến nhà người ta để đòi tiền,*

nếu không có tiền sẽ bắt đồ về", C hiểu ý của T là có ai đó nợ tiền vợ chồng T không trả nên đến đòi, nếu họ không trả thì lấy đồ về nên đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô BKS 90B1 - 01 7.80 đến nhà T ngồi uống nước với H. Sau đó, T nói với con trai là Hà Thảo C1 điều khiển xe mô tô chở T đến nhà bà T1 để đòi nợ. Trên đường đi, T nói với C1: "Nếu không đòi được tiền thì sẽ bê đồ về"; hiểu ý của T nếu không đòi được tiền bà T1 thì sẽ lấy đồ đạc của gia đình bà T1 về nên C1 nói "Tùy mẹ, mẹ muốn làm thế nào thì làm". Đến nhà bà T1, C1 dựng xe ngoài cổng rồi cùng T đi vào nhà gặp bà T1. Tại đây, T hỏi "Chị chuẩn bị tiền trả em chưa", bà T1 nói "Chưa, chị không có đồng nào, cho chị khát một năm nữa chị đi làm rồi chị trả dần".

Lúc này, con trai của bà T1 là anh Nguyễn Văn Th nói "Cho mẹ cháu khát nợ để trả dần, chứ không trả ngay được" thì T nói "Từ lâu lắm rồi có trả được đâu, tao không biết việc của nhà mày" và nói với bà T1 "Em không đồng ý, nửa tiếng nữa chị phải trả em ngay, em không tin chị nữa, chị nợ của em mấy năm rồi, bây giờ chị lại khát thêm một năm nữa, trước kia chị nói với em nhiều lần, lấy được đồ gì trong nhà thì lấy, đến nay em thuyết phục được chồng em rồi, chị vào trong nhà mở tủ lấy tài sản ra để em lấy đồ về, khi nào mang tiền đủ thì em sẽ trả lại". Sau đó, T gọi điện thoại cho chồng nói "Em vào nhà chị Toán đòi tiền nhưng chị ấy không trả"; nghe xong, H nói với C "Thôi đi thôi".

C điều khiển xe mô tô chở H đến nhà bà T1 đòi tiền; đến nơi, H nói "Chị trả tiền tôi để tôi trả ngân hàng" thì bà T1 nói "Tao không có mày giết tao thì giết, chợ không bán thịt người, mày muốn làm gì thì làm, đồ trong nhà mày lấy một thứ thì hết nợ" rồi đi vào trong nhà lấy giấy tờ trong kệ gỗ đựng ti vi bỏ ra ngoài sau đó đi ra ngoài nhà. H nói "Thế thì tôi lên dỡ mái tôn, đập mái ngói", còn C chỉ tay về phía anh Th nói "Có trả không, nếu nợ chưa có tiền trả thì khát người ta", bà T1 nói với C "Tao không nợ mày, mày ra khỏi nhà tao", anh Th chỉ tay về C nói "Nhà tôi không nợ tiền anh, tôi không liên quan gì đến anh" thì C đi ra cổng đứng. Lúc này, T nói "Chị có trả không, nếu nửa tiếng nữa chị có tiền thì tôi chỉ lấy tiền gốc, không lấy tiền lãi, còn không sẽ lấy đồ về"; nghe xong, bà T1 nói "Có trả, nhưng chị xin viết giấy biên nhận một năm nữa sẽ trả dần" rồi đi vào trong nhà lấy giấy, bút tự viết giấy biên nhận xin khát nợ nhưng T không đọc giấy biên nhận của bà T1 mà nói "Trong nửa tiếng nữa, không có tiền sẽ lấy hết đồ, tài sản trong nhà về, cứ mang tiền ra sẽ trả lại tài sản". Bà T1 nói "Chị không đồng ý lấy đồ đi, còn lấy một thứ thì hết nợ"; anh Th nói "Đồ trong nhà tôi, tôi không đồng ý cho ai mang đi, đồ của tôi, không phải là đồ của mẹ tôi, mẹ tôi nợ thì mẹ tôi trả". T nói "Tao không cần biết, đồ trong nhà bà T1 là của bà T1" rồi đi ra ngoài cổng gọi điện thoại cho lái xe công nông chuyên chở hàng thuê là NLC1, sinh năm 1971 ở thôn Q, xã C, huyện D nói "Anh vào cổng bệnh viện chở cho em bộ bàn ghế"; sau đó, T đến cửa hàng thép "Hàng Vượng" của NLC2, sinh năm 1980; trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên thuê một chuyến xe chở tủ lạnh về. NLC2 đồng ý và nói với

người làm thuê cho chị là NLC3, sinh năm 1960; trú tại: thôn Q, xã Y, huyện D điều khiển xe ba bánh đi cùng T đến nhà bà T1 chở đồ cho T. Tại nhà bà T1, H nói "*Chị mà là đàn ông thì tôi xiên chết chị rồi*", bà T1 vừa khóc vừa nói "*Mày xiên chết tao thì tao xiên chết mày*" rồi lấy xe đạp đi sang nhà chị gái là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1948 ở cùng tổ dân phố để vay tiền nhưng không có nên ở lại nhà bà Thanh. H đi vào phòng khách tháo chiếc tivi bê ra cửa đưa cho C và C1 chở về nhà trước. Thấy vậy, anh Th nói "*Chú không được mang đồ của nhà cháu về đâu*" rồi đi vào buồng. T và H tiếp tục khiêng bộ bàn ghế uống nước ra ngoài; anh Th nói với H "*Cháu đã nói rồi đấy, cháu không đồng ý cho chú và mọi người khiêng đồ của nhà cháu đâu*" và đi vào trong buồng trông con thì nghe thấy tiếng công nông đến. Lúc này, anh Th đi ra ngoài nhà, bật điện thoại ở chế độ quay video để quay lại cảnh gia đình T gồm: T, H, C và C1 khiêng bộ bàn ghế, tủ lạnh, ghế xoay trong nhà anh Th ra xe công nông để C1 đi cùng lái xe công nông chở tài sản của gia đình anh Th mang về nhà trước; còn H, T, C ở lại tiếp tục khiêng tivi lên xe ba bánh. Thấy vậy, anh Th tiếp tục nói "*Cháu không đồng ý cho cô, chú và mọi người khiêng đồ của nhà cháu ra ngoài*" nhưng gia đình T vẫn tiếp tục khiêng cân đồng hồ, bình nóng lạnh, bao đỗ đen, bao gạo, các tấm kính của gia đình anh Th mang ra xe ba bánh chở về nhà. H thanh toán cho lái xe công nông và lái xe ba bánh mỗi người 80.000 đồng. Sau đó, anh Th làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT, Công an huyện Duy Tiên đề nghị xử lý T, H, C và C1 theo quy định của pháp luật.

* *Vật chứng thu giữ gồm:* Bị cáo Trần Thị T giao nộp: 01 bao tải màu trắng bên trong đựng 06 kg hạt đỗ đen; 01 bao tải chứa màu trắng, bên trong đựng 45 kg gạo; 01 tivi màn hình phẳng màu đen 32 inch nhãn hiệu Sony; 01 cân đồng hồ loại 100 kg màu xanh trắng, nhãn hiệu Nhơn Hòa; 01 ghế tựa xoay nhãn hiệu HQH; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu vàng (01 bàn, 02 ghế ngắn, 01 ghế dài, 01 kệ); 01 khăn trải bàn bằng lưới đã rách; 01 kệ tivi bằng gỗ màu nâu xám; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ARISTON màu trắng; 01 tủ lạnh 355 lít, nhãn hiệu TOSHIBA. Hà Văn H giao nộp: 01 tấm kính hình chữ nhật có KT (100 X 45 X 1) cm; 01 tấm kính hình chữ nhật có KT (110 X 54 X 1) cm; 01 tấm kính hình vuông có KT (55 X 55 X 0,3) cm;

Cơ quan điều tra thu dữ liệu điện tử là 01 đoạn video có thời lượng là 21 phút 02 giây do anh Nguyễn Văn Th giao nộp. Khám xét chỗ ở của gia đình Hà Văn H không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 34/KL-HĐ ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Duy Tiên kết luận: "01 bao tải chứa màu trắng, bên trong đựng 06 kg hạt đỗ đen có giá trị 24.000 đồng; 01 bao tải chứa màu trắng, bên trong đựng 45 kg gạo có giá trị 450.000 đồng; 01 tivi nhãn hiệu Sony 32 inch có giá trị 650.000 đồng; 01 cân đồng hồ loại 100 kg màu xanh trắng, nhãn hiệu Nhơn Hòa có giá trị 150.000 đồng; 01 ghế tựa xoay nhãn hiệu HQH có giá trị 50.000 đồng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ màu

vàng (01 bàn, 02 ghế ngắn, 01 ghế dài, 01 kệ) có giá trị 2.000.000 đồng; 01 khăn trải bàn bằng lưới đã rách có giá trị 5.000 đồng; 01 kệ tivi bằng gỗ màu nâu xám có giá trị 3.500.000 đồng; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ARISTON màu trắng có giá trị 350.000 đồng; 01 tủ lạnh 355 lít, nhãn hiệu TOSHIBA có giá trị 1.500.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản là 8.679.000 đồng.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 39/KL-HĐ ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Duy Tiên kết luận: “01 tấm kính hình chữ nhật có KT (100 x 45 x 1) cm diện tích 0,46m² có giá trị 92.000 đồng; 01 tấm kính hình chữ nhật có KT (110 x 54 x 1) cm diện tích 0,6m² có giá trị 120.000 đồng; 01 tấm kính hình vuông có KT (55 x 55 x 0,3) cm diện tích 0,3m² có giá trị 36.000 đồng”. *Tổng giá trị tài sản là 248.000 đồng.*

Quá trình điều tra xác định: 01 bộ bàn ghế uống nước bằng gỗ màu vàng, 01 khăn trải bàn, 03 tấm kính có các kích thước khác nhau là tài sản chung của anh Th, bà T1; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu ARISTON màu trắng, 01 tủ lạnh 355 lít, nhãn hiệu TOSHIBA, 01 tivi Sony 32 inch là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Th; số tài sản còn lại là của bà Nguyễn Thị T1. Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Tiên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Th, bà T1 những tài sản trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Th, bà T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; khoản 2 Điều 51 bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H và C. Tuyên bố các bị cáo đều phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thị T bị xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; bị cáo Hà Văn H và bị cáo Trần Văn C, mỗi bị cáo bị xử phạt 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; bị cáo Hà Thẩm C1 bị xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định pháp luật.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, bị cáo Hà Thẩm C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tiếp tục được hưởng án treo.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, bị cáo Trần Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, H, C, C1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Hà Văn H, Trần Văn C; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H, Trần Văn C, Hà Thắm C1 và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Thị T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt bị cáo H, C mỗi bị cáo 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo H, C cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; bị cáo Trần Thị T 15 tháng tù; bị cáo Hà Thắm C1 12 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo C1 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách đều về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Về án phí đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo T, H và C. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; các bị cáo H và C, mỗi bị cáo 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đều về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Quan điểm của các bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Luật sư, các bị cáo mong HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo.

Quan điểm của các bị hại: Không nhất trí với quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hà Nam và người bào chữa cho các bị cáo; đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H, Trần Văn C và Hà Thắm C1 đều kháng cáo trong thời hạn Luật định; đơn kháng cáo của các bị cáo có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo một lần nữa thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của nhau, của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; phù hợp biên bản thu giữ vật chứng, kết luận về việc định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Do bà Nguyễn Thị T1 nợ tiền nhưng chưa trả nên khoảng 06 giờ 30 phút ngày

10 tháng 8 năm 2019, Trần Thị T cùng các bị cáo H, C và C1 đến nhà bà T1 để tiếp tục đòi tiền. Tại đây, H và C có những lời nói, cử chỉ đe dọa dẫm mái tôn, đập mái ngói và lấy tài sản để buộc bà T1 phải trả nợ. Mặc dù bà T1 và con trai là anh Nguyễn Văn Th xin khất nợ và không đồng ý cho lấy tài sản nhưng T, H, C và C1 vẫn cương quyết lấy tài sản của gia đình bà T1, anh Th chở về nhà với tổng số tiền chiếm đoạt được là 8.927.000 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T cùng đồng phạm đều về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật nhằm giáo dục, răn đe bị cáo; đồng thời, phòng ngừa chung cho xã hội. Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự để ấn định mức hình phạt đối với các bị cáo: bị cáo T bị xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù; bị cáo Hà Văn H và Trần Văn C, mỗi bị cáo 13 (Mười ba) tháng tù; bị cáo Hà Thẩm C1 12 (Mười hai) tháng tù là phù hợp. Do vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, H, C và C1 không có căn cứ được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo T, H, C thấy: Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng xét về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là xuất phát từ việc gia đình người bị hại vay tiền của gia đình bị cáo T đã lâu, mặc dù gia đình bị cáo đã đòi nhiều lần nhưng người bị hại vẫn chưa trả, gây bức sức cho các bị cáo. Do vậy người bị hại cũng có một phần lỗi dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo T cung cấp đơn đề nghị của các hộ dân tại nơi cư trú; bị cáo C cung cấp đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo T, H và C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình tại ngoại luôn chấp hành tốt quy định của địa phương, pháp luật của Nhà nước nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để quản lý cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo; đồng thời, tạo điều kiện cho bị cáo lao động chăm lo cho gia đình, cho bản thân mà vẫn đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H và Trần Văn C được HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Hà Thắm C1 không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT theo quy định; kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H và Trần Văn C được cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên các bị cáo T, H và C không phải chịu án phí.

[5] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H, Trần Văn C và Hà Thắm C1; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo T, H và C.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Các bị cáo Hà Văn H và Trần Văn C, mỗi bị cáo 13 (Mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (Hai mươi sáu) tháng tù kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Hà Thắm C1 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H và Hà Thắm C1 cho UBND xã Trác Vãn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn C cho UBND phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hà Thắm C1 phải nộp 200.000 đồng; các bị cáo Trần Thị T, Hà Văn H và Trần Văn C không phải nộp.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Công an thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo; các bị hại; người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San